

**Quan hệ tài sản giữa các thành viên
trong gia đình theo luật Hôn nhân và
gia đình năm 2000 : Luận văn ThS.
Luật: 60 38 30 / Lê Thị Thu Hà ; Nghd.
: PGS.TS. Hà Thị Mai Hiền**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình là một quan hệ dân sự, nó mang những nét chung của quan hệ tài sản giữa các thành viên trong xã hội nói chung. Mặt khác, nó mang những đặc thù riêng, bởi giữa các chủ thể trong quan hệ này có mối quan hệ hôn nhân - gia đình. Quan hệ tài sản trong gia đình là một vấn đề rất nhạy cảm, rất dễ làm cho các thành viên trong gia đình mâu thuẫn, tranh chấp. Việc điều chỉnh quan hệ về tài sản giữa các thành viên trong gia đình là rất quan trọng và cần thiết, góp phần làm lành mạnh hoá các quan hệ xã hội, đặc biệt là trong mỗi gia đình - tế bào của xã hội - và hạn chế được nhiều mâu thuẫn tiềm tàng.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề, Đảng và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định liên quan đến quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình như: Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam, Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.... Với việc ban hành Bộ luật Dân sự năm 2005

và các đạo luật khác về dân sự, các quan hệ tài sản trong lĩnh vực hôn nhân gia đình được xác định là một bộ phận thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Dân sự. Những quy định của pháp luật hiện hành đã phần nào đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi của xã hội trong giai đoạn hiện nay nhưng vẫn còn tản mạn, chưa đồng bộ. Quy định của luật Hôn nhân và gia đình về việc chia tài sản chung của vợ chồng đã tạo ra sự biệt lập về tài sản vợ và chồng nhưng lại chưa có quy định về cơ sở tài sản chung cho gia đình khi thực hiện mục tiêu chung. Bên cạnh đó, đặc thù chế độ sở hữu tài sản trong gia đình thuộc các nhóm dân cư khác nhau ở thành phố và nông thôn chưa được ghi nhận. Một số nội dung đang nổi cộm hiện nay nhưng chưa được quy định cụ thể như: quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình có yếu tố nước ngoài; đối tượng sở hữu tài sản là sở hữu trí tuệ, là cổ phiếu, cổ phần trong doanh nghiệp, lợi nhuận kinh doanh, quyền sử dụng đất.... Đặc biệt, trong điều kiện Việt Nam đang trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập nền kinh tế quốc tế thì các quy định của pháp luật nói chung và các quy định của pháp luật về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình còn nhiều nội dung chồng chéo, thiếu cụ thể, không rõ ràng gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

Xuất phát từ lý luận và yêu cầu thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 là một việc làm vô cùng cấp thiết và mới mẻ. Trên cơ sở phân tích những quy định hiện hành trong Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn

thiện các quy định về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình, góp phần xây dựng một hệ thống luật pháp hoàn chỉnh phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước.

Đề tài luận văn được biểu đạt với tiêu đề “Quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình theo luật Hôn nhân và gia đình năm 2000”

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình là một vấn đề được nhiều tác giả nghiên cứu. Mỗi tác giả đề cập vấn đề dưới các khía cạnh khác nhau như: tài sản chung, tài sản riêng của các thành viên, quyền và nghĩa vụ tài sản giữa các thành viên, chế định cấp dưỡng trong luật hôn nhân và gia đình, quan hệ thừa kế... Tác giả Nguyễn Văn Cừ nghiên cứu về chế độ tài sản của vợ và chồng trong Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam (luận án tiến sỹ Nguyễn Văn Cừ, Hà Nội, 2005). Tác giả Ngô Thị Hương đã tập trung vào nội dung chế định cấp dưỡng của các thành viên trong gia đình (luận án tiến sỹ Ngô Thị Hương, Hà Nội, 2006); Tác giả Tạ Thị Phúc nghiên cứu chế độ tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân...; Các nội dung về quan hệ tài sản giữa vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân (luận văn thạc sỹ Tạ Thị Phúc, Hà Nội, 2007)....

Ngoài ra, có nhiều giáo trình, tài liệu tham khảo và các bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành luật viết về vấn đề này. Như Nguyễn Ngọc Điện - tác giả của giáo trình Bình luận khoa học Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam (tập 2 - các quan hệ tài sản giữa vợ chồng, 2005, NXB trẻ, Hà Nội); Tác giả Hà Thị Mai Hiền của tập bài giảng tài sản

và quyền sở hữu (Đại học Huế, 1999); Tác giả Nguyễn Phương Lan viết bài “Vấn đề cấp dưỡng trong Luật HN và GD năm 2000” đăng trên tạp chí Luật học - ĐH Luật Hà Nội - số 11 năm 2001....

Tuy nhiên, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách tổng quát quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình, được thể hiện trên 3 khía cạnh: quan hệ sở hữu, quan hệ cấp dưỡng và quan hệ thừa kế. Cũng như thể hiện cả 3 nhóm sở hữu, cấp dưỡng, thừa kế đó trên mỗi qua hệ giữa vợ và chồng, giữa bố mẹ và con, giữa ông bà và cháu, anh chị em và các thành viên trong gia đình. Các nghiên cứu cũng mới dừng lại ở việc phân tích các quy định pháp luật hiện hành tại luật dân sự, luật hôn nhân và gia đình qua các thời kỳ. Chính vì vậy các giải pháp góp phần hoàn thiện các chế định quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình trong luật hôn nhân và gia đình chưa được đề cập theo một hệ thống toàn diện.

3. Phạm vi nghiên cứu đề tài

Quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình được đề cập trong nhiều văn bản pháp luật, luận văn tập trung nghiên cứu các quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quan hệ tài sản (quan hệ sở hữu, quan hệ cấp dưỡng và quan hệ thừa kế) giữa các thành viên trong gia đình được thể hiện ở: mỗi quan hệ giữa vợ và chồng, mỗi quan hệ giữa bố mẹ và con, mỗi quan hệ giữa ông bà và cháu, anh chị em, những người thân trong gia đình.

4. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

4.1. Mục đích

Đề xuất giải pháp hoàn thiện các quy định về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình trong Luật Hôn nhân và Gia đình, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, vì một mục tiêu xã hội vững mạnh của mọi người dân

4.2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình
- Phân tích và đánh giá các quy định của pháp luật hiện hành về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình trong Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và những văn bản pháp luật liên quan
- Nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật hiện hành trong hoạt động xét xử của ngành Tòa án
- Đề xuất giải pháp hoàn thiện các quy định về các quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình trong luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội. Pháp luật là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, được hình thành từ cơ sở hạ tầng phù hợp. Các quy định của pháp luật phải phù hợp với sự phát triển của các điều kiện kinh tế xã hội thì mới có tính khả thi trong quá trình thực hiện và áp dụng pháp luật. Vì vậy, tính lịch sử cụ thể của phương pháp luận duy vật biện chứng đòi hỏi phải đặt ra và giải quyết các vấn

đề này trong bối cảnh đất nước Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập và phát triển, phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc Việt Nam.

Phương pháp tiếp cận hệ thống cấu trúc cũng cần được đặt ra trong nghiên cứu quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình. Quan hệ tài sản giữa các cá nhân trước hết là quan hệ dân sự. Nếu giữa họ có quan hệ gia đình thì các quan hệ tài sản này sẽ có những đặc điểm riêng trên nền chung của quan hệ tài sản dân sự. Mặt khác, mỗi quan hệ giữa các thành viên trong gia đình chịu sự tác động của yếu tố hôn nhân, huyết thống và nuôi dưỡng. Và giữa các quan hệ này chịu sự tác động ảnh hưởng hệ thống với nhau.

5. 2. Phương pháp nghiên cứu

5.2.1. Các phương pháp nghiên cứu lý luận

Sử dụng các phương pháp như phân tích, tổng hợp, so sánh, hệ thống hoá, khái quát hoá, lịch sử. Các phương pháp được sử dụng để tổng hợp và phân tích hệ thống các quan điểm, các nghiên cứu về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình trong hệ thống pháp luật của một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam cũng như quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình qua các thời kỳ phát triển xã hội.

5.2.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Phương pháp điều tra, quan sát, thống kê được sử dụng trong quá trình mô tả thực tiễn áp dụng pháp luật hiện hành trong hoạt động xét xử quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình của ngành Tòa án.

6. Những đóng góp mới của luận văn

6.1. Về lý luận:

- Hệ thống hoá lý luận về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình
- Phân tích, hệ thống hoá các quy định của pháp luật hiện hành về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình tại một số nước trên thế giới

6.2. Về thực tiễn:

- Nhận diện thực trạng các quy định của pháp luật hiện hành tại Việt Nam về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình, thực tiễn áp dụng trong hoạt động xét xử của ngành Tòa án.
- Xây dựng hệ thống giải pháp hoàn thiện các quy định về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000

7. Bố cục của luận văn

Luận văn được trình bày trong 108 trang, trong đó:

Mở đầu, 7 trang

Chương 1: Cơ sở lý luận về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình, 27 trang

Chương 2: Thực trạng pháp luật hiện hành về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình và thực tiễn áp dụng, 53 trang

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện các quy định về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình trong luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, 19 trang

Kết luận

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN

VỀ QUAN HỆ TÀI SẢN GIỮA CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH

1.1. Khái niệm và đặc điểm chung của quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình

1.1.1. Khái niệm quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình

Tài sản

Tài sản là một khái niệm rộng, được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau và đã được thay đổi theo từng giai đoạn lịch sử phát triển chế độ chính trị - kinh tế - xã hội của mỗi đất nước. Theo Điều 163 - Bộ Luật Dân sự 2005 thì “tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản”.

Quan hệ tài sản

Quan hệ tài sản trước hết là quan hệ xã hội giữa người với người về tài sản. Nhưng khi xã hội phát triển, của cải vật chất bắt đầu dư thừa, xuất hiện tư tưởng chiếm giữ làm của riêng - đó cũng là giai đoạn sơ khai của chế độ tư hữu tài sản thì cũng nảy sinh nhu cầu được ghi nhận những tài sản của mình bằng một chế định pháp luật. Khi được pháp luật điều chỉnh thì quan hệ tài sản trở thành quan hệ pháp luật.

Các thành viên trong gia đình:

Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 định nghĩa “gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc do quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các nghĩa vụ và quyền giữa họ với nhau”. Như vậy, có thể hiểu thành viên trong gia đình là những người có quan hệ do hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng.

Quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình

Quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình cũng là mối quan hệ giữa người với người liên quan tới tài sản nhưng không phải là sở hữu của từng thành viên trong gia đình mà là mối quan hệ ràng buộc, gắn kết bởi quan hệ hôn nhân và gia đình. Ngoài ra, mỗi thành viên trong gia đình đều có những quan hệ xã hội khác. Tất cả những quan hệ này diễn ra hàng ngày trong cuộc sống gia đình do đó đòi hỏi cần có quy định nào đó về cách xử sự chung cho phù hợp để các quan hệ này không gây ảnh hưởng đến lợi ích của các thành viên trong gia đình cũng như của người thứ ba.

Ở đây, quan hệ tài sản không chỉ thể hiện tài sản thuộc về ai, do ai chiếm hữu, sử dụng mà còn bao gồm cả việc dịch chuyển tài sản từ chủ thể này sang chủ thể khác. Mỗi quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình có những phương thức thực hiện quyền sở hữu riêng. Phương thức này có thể là ước định (do các bên tự thỏa thuận) hay pháp định (do pháp luật quy định). Quan hệ này không chỉ xuất phát từ vấn đề huyết thống (liên quan đến cấp dưỡng,

thừa kế) mà còn xuất phát từ tình thương, trách nhiệm giữa người nọ với người kia (nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục...)

1.1.2. Phân loại và đặc điểm của quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình

1.1.2.1. Phân loại quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình

- Quan hệ sở hữu
- Quan hệ thừa kế
- Quan hệ cấp dưỡng

1.1.2.2. Đặc điểm của quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình

Các thành viên trong gia đình cũng là thành viên của xã hội. Vì vậy, quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình trước hết là quan hệ xã hội, quan hệ dân sự. Khi quan hệ này được pháp luật điều chỉnh thì đó là quan hệ pháp luật. Như vậy, quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình cũng mang những đặc điểm của quan hệ xã hội, quan hệ dân sự và quan hệ pháp luật.

Tuy nhiên, do tác động của các yếu tố hôn nhân, huyết thống và nuôi dưỡng mà quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình có những điểm khác biệt những quan hệ tài sản khác.

1.2. Điều chỉnh pháp luật và phân loại chế độ pháp lý về tài sản giữa các thành viên trong gia đình

1.2.1. Quá trình điều chỉnh pháp luật về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình

Việc điều chỉnh pháp luật về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình xuất phát từ sự thay đổi về quan điểm, về bản chất các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình qua các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội khác nhau.

Quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình là một dạng của quan hệ dân sự về tài sản. Vì vậy nó thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự. Tuy nhiên, thực tế quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình cơ những điểm khác biệt cơ bản so với quan hệ tài sản thông thường mà luật dân sự điều chỉnh là căn cứ phát sinh quan hệ này là quan hệ nhân thân mà nó được đánh dấu bằng sự kiện kết hôn. Còn quan hệ tài sản của luật dân sự xuất hiện hoàn toàn dựa trên yếu tố ý chí của các bên. Đây chính là căn cứ để các nhà làm luật tách và đưa luật hôn nhân gia đình trở thành một luật độc lập trong hệ thống pháp luật của nước ta. Tuy nhiên, còn rất nhiều nội dung về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình được xác định trong luật dân sự. Ngay trong các văn bản luật hôn nhân và gia đình, các nội dung về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình cũng luôn được điều chỉnh qua các thời kỳ phát triển của đất nước. Các văn bản sau đã kế thừa hầu hết những quy định tiến bộ của văn bản trước và có những sửa đổi, bổ sung nhất định và cần thiết đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội về lĩnh vực này.

1.2.2. Phân loại chế độ pháp lý về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình

1.2.2.1. Dựa trên chủ thể của từng loại quan hệ tài sản

- Chế độ pháp lý về quan hệ tài sản giữa vợ và chồng
- Chế độ pháp lý về quan hệ tài sản giữa cha mẹ và con
- Chế độ pháp lý về quan hệ tài sản giữa các thành viên khác trong gia đình (ông bà và cháu, anh chị em với nhau)

1.2.2.2. Dựa trên đối tượng của từng loại quan hệ tài sản

- Chế độ pháp lý về sở hữu
- Chế độ pháp lý về cấp dưỡng
- Chế độ pháp lý về thừa kế

Cả hai cách phân loại nêu trên đều được hoà quyện trong nhau. Nếu chúng ta phân loại chế độ pháp lý quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình theo tiêu chí thứ hai thì từng chế độ pháp lý trong đó cũng phải được thể hiện rõ nét ở các vấn đề: sở hữu, cấp dưỡng, thừa kế. Nếu chúng ta phân loại chế độ pháp lý quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình theo tiêu chí thứ hai thì từng chế độ pháp lý trong đó cũng phải được thể hiện rõ nét ở các nhóm: quan hệ giữa vợ và chồng, quan hệ giữa bố mẹ và con, quan hệ giữa ông bà cháu, anh chị em, người thân trong gia đình.

1.3. Khái quát một số nét cơ bản về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình trong pháp luật các nước

Gia đình là nền tảng của xã hội. Sự giàu có của các gia đình, cá nhân mới có một quốc gia vững mạnh. Thực tiễn ban hành và áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình của các nước trên thế giới cho thấy các nhà làm luật luôn

hướng tới và thông qua luật pháp để duy trì quan hệ hôn nhân và gia đình như một thiết chế vững chắc làm nền tảng cho một xã hội ổn định. Do đó, các quan hệ hôn nhân và gia đình ngày càng được điều chỉnh với các chế định pháp luật chặt chẽ hơn, cụ thể hơn.

Tuy nhiên, ở mỗi chế độ nhà nước, quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình được quy định tại các Bộ luật, Luật khác nhau và có những nét chung và cũng như khác biệt. Điều này thể hiện rõ nét khi chúng ta phân tích hệ thống văn bản pháp luật của một số đất nước như: Bộ luật Dân sự Nhật Bản; Bộ luật Dân sự và Thương mại Thái Lan; Bộ luật Dân sự Cộng hoà Pháp, Luật Gia đình Cộng hoà Cu Ba, Luật Gia đình Bun Ga Ri

Tiểu kết chương 1

1. Hôn nhân và gia đình là hiện tượng xã hội sinh ra và tồn tại gắn liền với các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Hôn nhân là cơ sở đầu tiên và quan trọng nhất để hình thành gia đình - tế bào của xã hội. Trong xã hội có giai cấp, các quan hệ pháp luật nói chung, các quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình nói riêng luôn thể hiện tính giai cấp và đấu tranh giai cấp sâu sắc, luôn chịu sự quy định của những biến đổi trong sản xuất, trong đời sống kinh tế - xã hội.

2. Quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình được hiểu là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh về vấn đề tài sản của các thành viên trong gia đình, bao gồm: quan hệ sở hữu, quan hệ cấp dưỡng và quan hệ thừa kế giữa vợ và chồng, giữa bố mẹ và con, giữa ông bà và

cháu, anh chị em và những người thân trong gia đình. Quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình là quan hệ xã hội, quan hệ dân sự, quan hệ pháp luật nhưng có những nét đặc trưng khác biệt xuất phát từ quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng.

3. Quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình là một chế định quan trọng trong pháp luật hôn nhân và gia đình. Luật Hôn nhân và gia đình của các quốc gia trên thế giới đã có những quy định cụ thể về vấn đề này. Quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình được thể hiện qua 2 phương thức: sự thoả thuận bằng văn bản giữa các thành viên (chế độ tài sản ước định) và theo các quy định của pháp luật (chế độ tài sản pháp định). Một trong những đặc thù của pháp luật hôn nhân và gia đình phương Tây là đề cao quyền tự do cá nhân, tự do thoả thuận và quyền tự định đoạt của các chủ thể trong quan hệ hôn nhân và gia đình, đặc biệt trong quan hệ vợ chồng, họ quan niệm hôn nhân như một loại hợp đồng dân sự chỉ khác về thủ tục ký kết hợp đồng (đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo nghi thức đặc biệt) và chấm dứt (khi có một bên chết hay quyết định ly hôn của Toà án theo thủ tục hành chính hoặc tố tụng).

4. Ở Việt Nam, quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình được quy định tại nhiều văn bản pháp luật. Nổi bật nhất là luật dân sự và luật hôn nhân gia đình. Ngay trong luật hôn nhân và gia đình thì những quy định liên quan đến quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình cũng được bổ xung, sửa đổi qua các thời kỳ để phù hợp với sự phát triển chế độ chính trị - kinh tế - xã hội của Việt

Nam. Kế thừa và phát triển các văn bản pháp luật trước, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 là văn bản pháp lý quy định cụ thể, rõ ràng và phù hợp nhất trong giai đoạn hiện nay về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ QUAN HỆ TÀI SẢN

GIỮA CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000

2.1.1. Quan hệ sở hữu

2.1.1.1. Quan hệ sở hữu giữa vợ và chồng

Hệ thống pháp luật điều chỉnh quan hệ sở hữu nói chung và quan hệ sở hữu tài sản của vợ chồng nói riêng rất đa dạng, trước tiên cần kể đến Bộ luật Dân sự, pháp luật về hôn nhân và gia đình và rất nhiều văn bản pháp luật ở nhiều lĩnh vực khác. Quan hệ sở hữu tài sản giữa vợ và chồng được Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định trong 7 điều (từ điều 27 đến điều 33 tại chương III).

- Tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất của vợ chồng
- Quyền sở hữu đối với tài sản riêng của vợ, chồng

- Điều kiện chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân
 - + Chia tài sản chung khi vợ chồng đầu tư kinh doanh riêng
 - + Chia tài sản chung của vợ chồng khi một bên thực hiện nghĩa vụ dân sự riêng
- Nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân
- Chia tài sản sau khi ly hôn

2.1.1.2. Quan hệ sở hữu giữa cha mẹ và con

Quan hệ giữa cha mẹ và con được quy định tại chương IV luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. So với luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đã bổ sung các quy định về nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng; nghĩa vụ và quyền giáo dục con; người có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha mẹ đối với con cái chưa thành niên; việc định đoạt tài sản riêng của con chưa thành niên (Điều 36,37,38,46). Đồng thời những quy định của chương này đã cụ thể hóa các nghĩa vụ và quyền hạn của cha mẹ và con đối với nhau. Mặt khác, pháp luật còn ghi nhận quyền và nghĩa vụ của bố dượng, mẹ kế và con riêng của vợ hoặc chồng (Điều 38) thể hiện nguyên tắc Nhà nước và xã hội không thừa nhận sự phân biệt đối xử giữa các con.

Trong 13 điều của chương IV về quan hệ cha mẹ và con có thể chia làm hai loại chính là các điều quy định chung về quan hệ cha mẹ và con, và các điều quy định về quan hệ cha mẹ con trong các trường hợp cụ thể. Đó là các

điều quy định về quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa cha mẹ và con.

2.1.1.3. Quan hệ sở hữu giữa anh chị em, ông bà và các cháu, giữa các thành viên khác trong gia đình

Xã hội ngày càng phát triển, nền kinh tế có nhiều đổi thay, các quan hệ xã hội ngày càng trở nên phức tạp hơn, đa dạng hơn. Vị trí của người phụ nữ trong xã hội ngày càng được đề cao, quan hệ nam nữ bình đẳng hơn. Trong gia đình, sự lệ thuộc của thế hệ này với thế hệ khác cũng ít hơn, các cá nhân trong gia đình độc lập hơn, ít bị chi phối bởi thế hệ già hơn. Trong xã hội, trẻ em ngày càng được quan tâm hơn. Tuy nhiên, điểm tích cực trong quan hệ gia đình, xã hội không phải không có những tiêu cực làm ảnh hưởng đến truyền thống gia đình, đến đạo đức trong xã hội, ảnh hưởng đến quan hệ người với người, làm sứt mẻ truyền thống đạo đức quý báu của gia đình Việt Nam. Thói ích kỷ, chỉ nghĩ đến bản thân, không quan tâm đến người khác, chạy theo lợi ích vật chất đã làm biến dạng quan hệ tình cảm trong gia đình, trong xã hội.

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đã phát triển thành một chương - chương V - với tên gọi “Quan hệ giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu, giữa anh, chị, em và giữa các thành viên trong gia đình” thể hiện sự tiến bộ của kỹ thuật lập pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng điều luật. Tuy nhiên, nội dung quan hệ sở hữu trong quan hệ tài sản giữa ông bà và cháu, giữa anh chị em và giữa các thành viên trong gia đình không được đề cập nhiều trong luật hôn nhân và gia đình mà chủ yếu trong luật dân sự.

2.1.2. Quan hệ cấp dưỡng

2.1.2.1. Quan hệ cấp dưỡng giữa vợ và chồng

Quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng phát sinh từ khi kết hôn và có thể tồn tại ngay trong trường hợp hai vợ chồng đã ly hôn; quyền và nghĩa vụ này được đặt ra với cả hai bên vợ chồng, vừa là nghĩa vụ pháp lý, vừa là nghĩa vụ đạo đức của vợ chồng.

Cũng như Luật HNGĐ 1986, Luật HNGĐ 2000 cũng không trực tiếp đặt ra vấn đề cấp dưỡng (với tư cách một quan hệ tài sản) trong quan hệ vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Điều này luật HNGĐ 2000 có sự kế thừa những quan điểm của luật HNGĐ 1986 vì trong xã hội Việt Nam vợ chồng khi xây dựng gia đình với nhau trước tiên là cơ sở tình yêu chân chính. Do đó, quan hệ cấp dưỡng trong thời kỳ hôn nhân là một quan hệ mang tính đạo đức nhiều hơn là mang tính tài sản. Xuất phát từ quan điểm đó nên luật HNGĐ 2000 không quy định trực tiếp nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng như một nghĩa vụ tài sản bắt buộc là một điều hợp lý. Tuy nhiên luật HNGĐ cũng bổ sung thêm những quy định về quan hệ thân nhân của vợ chồng nhưng các quan hệ đó chỉ thực hiện được khi vợ chồng tạo cho nhau những điều kiện vật chất thuận lợi nhất định.

Còn về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, Điều 60 luật HNGĐ 2000 khẳng định “khi ly hôn nếu bên khó khăn túng thiếu có yêu cầu cấp dưỡng mà có lý do chính đáng thì bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khả năng của mình”.

Các quy định về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được nêu chi tiết và cụ thể trong Luật HNGĐ 2000 và ND 70/2001 - CP như: điều kiện cấp dưỡng, mức cấp dưỡng, phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng

2.1.2.2. Quan hệ cấp dưỡng giữa cha mẹ và con

Cha mẹ với tư cách là người sinh ra con cái có thiên chức và trách nhiệm nuôi dạy con cái trưởng thành, đồng thời cũng có quyền nhất định. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con không phụ thuộc vào tình trạng hôn nhân giữa cha mẹ mà phát sinh trên cơ sở mối quan hệ tự nhiên, bất biến. Lợi ích mà cha mẹ và con được hưởng cũng như nghĩa vụ mà cha mẹ và con phải thực hiện cho nhau chỉ phát sinh khi giữa họ có quan hệ cha mẹ và con với nhau.

Như vậy, thương yêu, chăm sóc, nuôi dưỡng vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Quyền này chỉ bị hạn chế khi có quyết định hoặc bản án của Tòa án xuất phát từ lợi ích của con.

Quan hệ gia đình với tính chất đặc thù của mình luôn thiết lập một tôn ti trật tự tự nhiên của nó. Cha mẹ có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục con cái, ngược lại, con cái với tư cách là người được hưởng sự yêu thương, nuôi dưỡng và hy sinh của cha mẹ phải có bổn phận kính trọng, biết ơn, hiếu thảo với cha mẹ. Việc cha mẹ và con cái thực hiện quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy định đã trở thành một chuẩn mực đạo đức được cả xã hội thừa nhận. Luật quy định con cái có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ khi cha mẹ già yếu

hoặc không có điều kiện lao động, không tự lo cho cuộc sống của mình.

2.1.2.3. Quan hệ cấp dưỡng giữa anh chị em, ông bà và các cháu, giữa các thành viên khác trong gia đình

Trước đây, luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 điều chỉnh quan hệ gia đình theo nghĩa hẹp, chủ yếu xoay quanh mô hình gia đình hạt nhân, đó là quan hệ giữa vợ và chồng, quan hệ giữa cha mẹ và con cái, còn những quan hệ nhân thân và tài sản giữa các thành viên khác trong gia đình chưa được đề cập cụ thể. Do đó, nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con cái trước tiên thuộc về cha mẹ, chỉ khi nào cha mẹ không còn thì trách nhiệm đó mới thuộc ông bà.

Thực tế cho thấy, gia đình Việt Nam thường theo kiểu gia đình truyền thống gồm nhiều thế hệ sống chung một mái nhà, vì vậy ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của một đứa trẻ, ngoài cha mẹ còn có ông bà. Cho nên việc chăm sóc, giáo dục các cháu không những chỉ là quan hệ tình cảm gia đình mà còn là trách nhiệm của ông bà nhằm giúp cho trẻ phát triển toàn diện hơn. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đã mở rộng hơn mô hình gia đình hạt nhân, coi đó vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của ông bà đối với cháu.

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu của ông bà và cũng quy định trách nhiệm phụng dưỡng, chăm sóc ông bà của cháu. Trách nhiệm này có thể được thể hiện ở việc nuôi dưỡng, hoặc giám hộ hay cấp dưỡng...

Về mối quan hệ giữa anh, chị, em trong gia đình, điều 48 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “Anh, chị, em có bốn phận thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau”. Mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình không chỉ bao gồm quan hệ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, giữa ông bà và cháu mà còn có quan hệ giữa các anh chị em với nhau. Anh, chị, em có thương yêu, đùm bọc lẫn nhau mới có thể đưa đến cho gia đình sự yên ấm, hạnh phúc trọn vẹn. Truyền thống đạo đức tốt đẹp này đã được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Trách nhiệm anh, chị, em thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau được quy định trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc còn cha mẹ nhưng cha mẹ không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con cái. Quy định như vậy vì trên thực tế, nhiều gia đình cha mẹ rơi vào hoàn cảnh khó khăn về tài chính, về sức khỏe không có khả năng nuôi dạy con mình chu đáo và họ cần sự chia sẻ của chính những người con trong gia đình. Đây cũng là cách thức đề cao trách nhiệm của những người con trong gia đình, sự quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, giảm bớt gánh nặng cho cha mẹ và cho xã hội.

2.1.3. Quan hệ thừa kế

2.1.3.1. Quan hệ thừa kế giữa vợ và chồng

Vợ chồng có quyền thừa kế tài sản của nhau thuộc hàng thừa kế thứ nhất; Các trường hợp thừa kế cũng được nêu cụ thể tại Bộ Luật Dân sự và Luật HNGĐ 2000.

Theo quy định của pháp luật thừa kế thì vợ chồng có quyền thừa kế tài sản của nhau theo di chúc hoặc theo pháp

luật. Với cả hai hình thức này thì vợ chồng đều đương nhiên có quyền hưởng di sản của nhau. Ngoài ra BLDS còn quy định cả việc vợ chồng thừa kế tài sản của nhau khi đã chia tài sản chung, đang xin ly hôn, đã kết hôn với người khác

Để đảm bảo cuộc sống bình thường của người vợ hoặc chồng còn sống sau khi chồng hoặc vợ của mình bị chết, Luật HNGĐ 2000 đã quy định hạn chế quyền yêu cầu chia di sản thừa kế của vợ, chồng khi một bên chết. Theo đó, nếu có yêu cầu chia di sản thừa kế mà việc chia di sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống bên vợ hoặc chồng còn sống thì bên còn sống có quyền yêu cầu toà án xác định phần di sản mà những người thừa kế được hưởng nhưng chưa cho chia trong một thời gian nhất định. Nếu hết thời hạn do toà án xác định hoặc bên còn sống đã kết hôn với người khác thì những người thừa kế khác có quyền yêu cầu toà án cho chia di sản thừa kế (khoản 3, Điều 31, LHNGĐ 2000). Quy định này đã được cụ thể hoá tại mục 4 - NĐ 02/2000 - HĐTP và điều 12 - NĐ 70/2001.

Việc thừa kế trong trường hợp vợ, chồng đã chia tài sản chung, đang xin ly hôn hoặc đã kết hôn với người khác cũng được quy định cụ thể trong luật

2.1.3.2. Quan hệ thừa kế giữa cha mẹ và con

Quan hệ thừa kế giữa cha, mẹ và con là quan hệ mang tính hai chiều. Quan hệ này được xác định theo một trong hai căn cứ:

- Quan hệ huyết thống
- Quan hệ nuôi dưỡng

Trên hai căn cứ này, mối quan hệ thừa kế giữa cha mẹ và con được thể hiện ở từng trường hợp và quy định cụ thể trong Luật. Ví dụ: trường hợp một người vừa có con nuôi vừa có con đẻ thì họ vừa là người thừa kế ở hàng thứ nhất để hưởng di sản của người con nuôi khi người con nuôi đó chết, vừa là người thừa kế hàng thứ nhất để hưởng di sản của con đẻ khi người con đẻ đó chết. Ngược lại, một người đang là con nuôi của người khác thì họ vừa là người thừa kế hàng thứ nhất để hưởng di sản của cha mẹ nuôi khi cha mẹ nuôi chết, vừa là người thừa kế hàng thứ nhất để hưởng di sản của cha, mẹ đẻ khi cha mẹ đẻ chết. Đối với trường hợp người nhận nuôi con không đăng ký việc nhận nuôi con nuôi theo đúng quy định của pháp luật thì cha mẹ nuôi với con nuôi chỉ là người thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất của nhau khi được công nhận là nuôi con nuôi thực tế.

2.1.3.3. Quan hệ thừa kế giữa ông bà và các cháu, giữa anh chị em, giữa các thành viên khác trong gia đình

Quan hệ thừa kế giữa ông bà và các cháu, giữa anh chị em thuộc về hàng thừa kế thứ hai. Mối quan hệ thừa kế này hoàn toàn dựa vào quan hệ huyết thống mà không dựa vào quan hệ nuôi dưỡng. Bộ luật dân sự xác định “cháu vừa là người thừa kế theo pháp luật của ông, bà ở hàng thừa kế thứ hai vừa là người thừa kế thế vị của ông bà khi cha mẹ cháu chết trước hoặc chết cùng thời điểm với ông, bà”. Cũng theo quy định của điểm b nói trên thì khi ông, bà chết chỉ có cháu ruột mới được thừa kế di sản của ông, bà ở hàng thừa kế thứ hai.

Quan hệ thừa kế giữa anh ruột, chị ruột với em ruột được hình thành theo một căn cứ duy nhất là quan hệ huyết

thống, bao gồm những người có quan hệ huyết thống trực hệ cùng một đời. Tuy nhiên, như thế nào được gọi là “anh, chị em ruột” còn có nhiều cách hiểu khác nhau. Cần lưu ý rằng không hình thành quan hệ thừa kế giữa anh, chị em từ quan hệ nuôi dưỡng, vì vậy trong trường hợp một người vừa có con nuôi, vừa có con đẻ thì giữa con nuôi và con đẻ của người đó không phải là anh, chị em ruột của nhau nên họ không phải là thừa kế theo pháp luật của nhau

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật hiện hành trong việc xét xử quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình

Quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình là một vấn đề phức tạp. Bởi trong quan hệ hôn nhân và gia đình, quan hệ tài sản có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của các bên nên rất dễ nảy sinh tranh chấp. *Số lượng các vụ án liên quan đến nội dung này tăng nhanh trong những năm qua.* Theo báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án trong năm 2003 thì, số vụ án hôn nhân và gia đình đã giải quyết ở cấp sơ thẩm là 49380 vụ/ 57650 vụ. Đến năm 2007 số vụ án hôn nhân và gia đình đã giải quyết ở cấp sơ thẩm đã tăng 70.204 vụ/ 74.484 vụ phải giải quyết, đạt tỉ lệ 94,3%. Trong đó Tòa án nhân dân cấp Huyện đã giải quyết 67.688 vụ/ 71.809 vụ, đạt tỉ lệ 94,3%. Tòa án nhân dân cấp Tỉnh đã giải quyết được 2516 vụ/ 2675 vụ cần giải quyết, đạt tỉ lệ 94,1. Sự gia tăng đáng kể này một mặt, do đời sống xã hội của người dân ngày một nâng lên, cơ hội tiếp xúc các “luồng tư tưởng mới” làm cho quan hệ hôn nhân và gia đình trong những năm qua bị mất ổn định, các quan niệm truyền thống về gia đình đang dần dần bị phá vỡ.

Mặt khác, thực tiễn giải quyết các trường hợp liên quan đến tài sản chung của các thành viên trong gia đình những năm qua gặp không ít khó khăn và phức tạp. Có *những vụ án phải qua nhiều cấp xét xử*, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của các đương sự. Cũng theo số liệu thống kê hàng năm của TANDTC thì số vụ án hôn nhân và gia đình phải qua xét xử ở cấp phúc thẩm và giám đốc thẩm cũng có chiều hướng gia tăng. Và đến năm 2007 ở cấp phúc thẩm là 2840 vụ/ 2936 vụ cần giải quyết. Đối với xét xử cấp giám đốc thẩm là 130 vụ/ 139 vụ. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến có nhiều vụ án hôn nhân và gia đình phải qua nhiều cấp xét xử trong đó đặc biệt phải nói đến sự thiếu sót trong công tác giải quyết các vụ án hôn nhân và gia đình của các tòa án. Đó là việc điều tra, thu thập chứng cứ, tài liệu của vụ án chưa đầy đủ, chưa chính xác, thậm chí có những trường hợp thiếu khách quan, xác định không đúng thẩm quyền, áp dụng sai điều luật dẫn đến xét xử không đúng. Ngoài ra, còn xuất phát từ chính nhận thức sai lầm của các đương sự về quyền lợi của mình nên đã có kháng cáo, kháng nghị, hoặc yêu cầu Tòa án xem xét lại theo trình tự phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm. Nguyên nhân xuất phát từ sự thiếu đồng bộ, đầy đủ của các quy định pháp luật trong lĩnh vực này của hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành cũng gây nhiều khó khăn trong thực tiễn áp dụng xử tại các toàn án. Mặc dù luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 tương đối cụ thể và rõ ràng. Tuy nhiên cũng có vài điểm bất cập cần có các văn bản hướng dẫn cụ thể nhằm hoàn thiện các quy định của Luật HN&GD. Về phương diện lập pháp, sự thiếu sót cũng chấp nhận được. Bởi lẽ xã hội càng phát triển, các quan hệ xã hội càng trở nên đa dạng và phức tạp,

thì nhu cầu đòi hỏi phải có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh cả về nội dung lẫn hình thức để điều chỉnh các quan hệ đó là điều dễ hiểu.

Đối với trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ chồng ly hôn thì Luật HN&GD năm 2000 quy định khá cụ thể tại các điều 95, 96, 97, 98. và hướng dẫn cụ thể tại các điều 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP ngày 3/10/2001 của Chính phủ. Do đó, hầu hết các Tòa án đã vận dụng đúng và kết hợp hài hòa các nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng, đảm bảo quyền lợi ích chính đáng của các bên vợ chồng cũng như quyền lợi của các thành viên khác trong gia đình. Đối với tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất, nhà ở là những tài sản có giá trị lớn trong khối tài sản chung của vợ chồng do đó khi giải quyết tòa án cũng rất thận trọng trong việc điều tra, xác minh về nguồn gốc tài sản, cũng như việc phân chia.

Tuy nhiên vẫn có những trường hợp vì không tiến hành điều tra xác minh kỹ rõ nguồn gốc tài sản do đó khi phân chia tài sản dẫn đến việc phân chia thiếu “công minh” cho các bên.

Đối với trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng khi một bên chết trước hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết, thì thực tiễn xét xử cho thấy thường không chia tài sản mà sẽ do bên còn sống tiếp tục quản lý, sử dụng để đảm bảo duy trì cuộc sống chung của gia đình, chỉ trừ trường hợp người vợ hoặc người chồng đã chết để lại di chúc yêu cầu chia di sản thừa kế hoặc những người thuộc diện thừa kế

yêu cầu chia di sản thì lúc này tài sản chung của vợ chồng mới được chia.

Đối với trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng khi hôn nhân còn tồn tại. Đây là một vấn đề nổi cộm hiện nay, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn cuộc sống đang đặt ra. Trường hợp này chỉ đặt ra khi hai bên vợ chồng có mâu thuẫn sâu sắc nhưng vì một lý do nào đó như : sợ hàng xóm chê cười, vì uy tín, danh dự.... Nên họ không muốn ly hôn mà chỉ yêu cầu chia tài sản chung. Tuy nhiên thực tế vẫn còn tồn tại nhiều vướng mắc ở quy định này, cụ thể như : trường hợp vợ chồng thỏa thuận chia toàn bộ tài sản chung, như vậy vô hình chung chế độ sở hữu chung hợp nhất của vợ chồng đã “tan rã”. Hay như việc pháp luật cho chia tài sản chung khi hôn nhân tồn tại nhưng lại chưa có quy định chặt chẽ về trách nhiệm của các bên đối với việc duy trì đời sống chung của gia đình nên dẫn tới đời sống chung gia đình bị bỏ bê, mục đích của hôn nhân không đạt được, ảnh hưởng xấu tới cuộc sống của con cái và lợi ích của xã hội.

Tiểu kết chương 2

Gia đình là tế bào của xã hội, là nơi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Trên cơ sở phân tích sâu từng chế định trong Luật HN và GD năm 2000 liên quan tới quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình, chúng tôi nhận thấy rằng:

Nhìn chung, hệ thống văn bản pháp luật về hôn nhân và gia đình nước trong ta hiện nay cũng đã phần nào đáp ứng được nhu cầu điều chỉnh của xã hội đối với quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình. Luật Hôn nhân và gia đình là một ngành luật trong hệ thống pháp luật của Nhà nước Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, điều chỉnh các quan hệ xã hội trong đời sống hôn nhân và gia đình. Sự ra đời của Luật HN&GD năm 2000 là nhu cầu khách quan trong toàn xã hội, trong sự nghiệp đổi mới đất nước. Trên cơ sở sự kế thừa các quy định của Luật HN&GD năm 1986, Luật HN&GD năm 2000 tiếp tục quy định các vấn đề về quan hệ tài sản trong đời sống hôn nhân và gia đình và quy định rõ hơn về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình.

Tuy nhiên, xã hội nói chung và các vấn đề trong quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình nói riêng luôn vận động và thay đổi không ngừng. Nên các quy định của pháp luật về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình luôn được điều chỉnh phù hợp với điều kiện KT - XH của đất nước. Mặt khác, quá trình phát triển hệ thống luật pháp luôn cần phải có sự tìm hiểu, nghiên cứu, kiểm định trong thực tiễn. Vì vậy, việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 trên thực tế thời gian qua đã gặp phải một số bất cập, đặc biệt là quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình. Thực trạng hệ thống pháp lý về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình và thực tiễn áp dụng tại toà án là cơ sở thực tiễn quan trọng để hoàn thiện các chế định về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình trong luật hôn nhân và gia đình năm 2000

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH

VỀ QUAN HỆ TÀI SẢN GIỮA CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH

TRONG LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NĂM 2000

3.1. Một số định hướng của việc hoàn thiện chế định về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình

3.1.1. Kế thừa và phát triển các chế định về quan hệ tài sản đang thực hiện có hiệu quả, phù hợp với điều kiện

KTXH của Việt Nam, phù hợp với truyền thống văn hoá Việt Nam

3.1.2. Bổ sung, sửa đổi các chế định về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình trong luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 tạo sự thống nhất, đồng bộ, khắc phục “lỗ hổng” pháp luật

3.1.3. Bảo đảm các nguyên tắc pháp luật trong nhà nước pháp quyền, “hội nhập”, hợp tác quốc tế

3.1.4. Thể hiện bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em, bảo vệ quyền con người

3.1.5. Chế định quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình phải đảm bảo là cơ sở để gia đình trở thành tổ ấm của mỗi thành viên, phát huy yếu tố tự giác và trách nhiệm pháp lý

3.1.6. Chế định quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình phải phù hợp với thực tế quan hệ hôn nhân và gia đình, phải rõ ràng, toàn diện tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành và áp dụng, tăng cường cơ chế thực thi

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện chế định về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình trong luật hôn nhân và gia đình năm 2000

3.2.1. Sửa đổi, bổ sung một số chế định về quan hệ sở hữu giữa các thành viên trong gia đình trong luật hôn nhân và gia đình năm 2000

3.2.1.1. Trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng khi hôn nhân còn tồn tại

3.2.1.2. Trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng khi một bên chết trước hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết

3.2.1.3. Trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn

3.2.1.4. Trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng khi có lý do chính đáng khác

3.2.1.5. Trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân không có văn bản thoả thuận

3.2.1.6. Trường hợp chia tài sản chung khi vợ chồng đã ly hôn

3.2.1.7. Trường hợp phân chia tài sản chung khi vợ chồng không thoả thuận được việc chia tài sản

3.2.1.8. Trường hợp toàn bộ tài sản chung của vợ chồng đã được phân chia, phát sinh các khoản mục chi tiêu chung khác

3.2.1.9. Chia tài sản chung khi một bên chết trước hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết

3.2.1.10. Trường hợp một bên vợ hoặc chồng bị toà án tuyên bố là đã chết nay quay trở về

3.2.2. Sửa đổi, bổ sung một số chế định về quan hệ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình trong luật hôn nhân và gia đình năm 2000

3.2.3. Sửa đổi, bổ sung một số chế định về quan hệ thừa kế giữa các thành viên trong gia đình trong luật hôn nhân và gia đình năm 2000

3.2.3.1. Điều kiện thừa kế

3.2.3.2. Thừa kế giữa ông bà và cháu trường hợp cháu chết trước ông, bà

Tiểu kết chương 3

Xuất phát từ yêu cầu của lý luận cũng như thực tiễn pháp luật hiện hành về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình và thực tiễn áp dụng tại toà án, việc hoàn thiện các chế định trong lĩnh vực này đã được thực hiện dựa trên cơ sở một số nguyên tắc. Các nguyên tắc bổ sung, chỉnh sửa bao gồm: Chế định quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình phải là thể hiện rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước là hướng tới con người và vì con người; Chế định quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình phải đảm bảo gia đình trở thành tổ ấm của mỗi thành viên; Chế định quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình phải phù hợp với thực tế quan hệ hôn nhân và gia đình, phải rõ ràng, toàn diện tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành và áp dụng.

Trên cơ sở các nguyên tắc nêu trên, luận văn đã phân tích một số trường hợp trong quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình cần phải bổ sung, chỉnh sửa. Các chế định này được thể hiện ở 3 khía cạnh: chế định về quan hệ sở hữu, chế định về quan hệ cấp dưỡng và chế định về quan hệ thừa kế trong các trường hợp cụ thể như ly hôn, trong hôn nhân, giữa bố mẹ và con, giữa ông bà và cháu....

KẾT LUẬN

Hôn nhân và gia đình là hiện tượng xã hội sinh ra và tồn tại gắn liền với các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Hôn nhân là cơ sở đầu tiên và quan trọng nhất để hình thành gia đình - tế bào của xã hội. Quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình là quan hệ xã hội, quan hệ dân sự, quan hệ pháp luật nhưng có những nét đặc trưng khác biệt xuất phát từ quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng. Ở Việt Nam, quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình được quy định tại nhiều văn bản pháp luật. Nổi bật nhất là luật dân sự và luật hôn nhân gia đình. Ngay trong luật hôn nhân và gia đình thì những quy định liên quan đến quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình được xác định trên gốc chính là Luật Dân sự và được bổ sung, sửa đổi qua các thời kỳ để phù hợp với sự phát triển chế độ chính trị - kinh tế - xã hội của Việt Nam. Kế thừa và phát triển các văn bản pháp luật trước, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 là văn bản pháp lý quy định cụ thể, rõ ràng và phù hợp nhất trong giai đoạn hiện nay về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình.

Tuy nhiên, xã hội nói chung và các vấn đề trong quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình nói riêng luôn vận động và thay đổi không ngừng. Các quy định trong Luật cũng như việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 trên thực tế thời gian qua đã gặp phải một số bất cập.

Xuất phát từ yêu cầu của lý luận cũng như thực tiễn việc hoàn thiện các chế định trong lĩnh vực này là vấn đề mang tính tất yếu. Công tác hoàn thiện được thực hiện dựa trên một số nguyên tắc. Các nguyên tắc bổ sung, chỉnh sửa bao gồm: Chế định quan hệ tài sản giữa các thành viên

trong gia đình phải là thể hiện rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước là hướng tới con người và vì con người; Chế định quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình phải đảm bảo gia đình trở thành tổ ấm của mỗi thành viên; Chế định quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình phải phù hợp với thực tế quan hệ hôn nhân và gia đình, phải rõ ràng, toàn diện tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành và áp dụng....

Trên cơ sở các nguyên tắc nêu trên, luận văn đã phân tích một số trường hợp trong quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình cần phải bổ sung, chỉnh sửa. Các chế định này được thể hiện ở 3 khía cạnh: chế định về quan hệ sở hữu, chế định về quan hệ cấp dưỡng và chế định về quan hệ thừa kế trong các trường hợp cụ thể như ly hôn, trong hôn nhân, giữa bố mẹ và con, giữa ông bà và cháu....

Quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình là một vấn đề nổi cộm nhất trong mỗi quan hệ hôn nhân và gia đình nói chung. Việc giải quyết thấu tình, đạt lý vấn đề này là cơ sở quan trọng mang lại hạnh phúc cho mỗi người dân, mỗi gia đình và sự phát triển của toàn xã hội. Chính vì vậy, Nhà nước với tư cách là một chủ thể cần luôn hoàn thiện công cụ của mình để có thể quản lý xã hội hiệu quả. Các cấp, các ngành và mọi người dân đều chủ động, tích cực có những hành động cụ thể nhằm góp phần hoàn thiện việc xây dựng và thực thi hệ thống pháp luật, xây dựng đất nước Việt Nam phát triển.

